

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục thông tin công bố, công khai
của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 98/TTr-STTTT ngày 12/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thông tin công bố, công khai của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Hình thức, thời điểm công bố, công khai thông tin

1. Hình thức công bố, công khai thông tin:

a. Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử chính thức của cơ quan nhà nước; khuyến khích lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp để đăng tải trên các trang mạng xã hội của cơ quan;

b. Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;

c. Đăng công báo;

d. Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác;

đ. Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

e. Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

g. Ngoài việc công bố, công khai trên Cổng thông tin điện tử của mình, các đơn vị (tổ chức) phải gửi bản mềm về địa chỉ banbientap@angiang.gov.vn để Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang thực hiện công bố, công khai.

Trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó; ngược lại thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin nêu trên bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin.

h. Đối với đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài các hình thức trên, cơ quan nhà nước xác định biện pháp, hình thức công khai thông tin theo quy định tại Điều 2 và 3 Nghị định 13/2018/NĐ-CP hoặc các hình thức công khai khác có văn bản luật khác quy định cụ thể phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

2. Thời điểm công bố, công khai thông tin

Đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm triển khai thực hiện công bố, công khai các thông tin thuộc lĩnh vực do ngành và địa phương (đơn vị) quản lý.

Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc công bố, công khai thông tin của các địa phương (đơn vị). Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai trên địa bàn tỉnh An Giang.

UBND tỉnh khuyến nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể, cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; các trường chính trị, đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tham khảo và tổ chức thực hiện Quyết định này phù hợp với tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục tài liệu, số liệu, thông tin công bố, công khai của các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư Pháp;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH, NC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu HC-TC, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC

**Thông tin công bố, công khai của các cơ quan nhà nước
trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

1. Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;
2. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;
3. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;
4. Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;
5. Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;
6. Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;
7. Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;
8. Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình

thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

9. Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; Thông tin về kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật”.

10. Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện phải bảo đảm có các thông tin về tổ chức bộ máy hành chính, bản đồ địa giới hành chính đến cấp xã, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng.

11. Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

12. Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

13. Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

14. Thông tin về ý kiến chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng cơ quan đã được thống nhất và chính thức ban hành bằng văn bản; ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan; lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan.

15. Thông tin về tiềm năng, thế mạnh của địa phương, từng ngành, từng lĩnh vực; tiềm năng, thế mạnh về du lịch; các dịch vụ du lịch, sản phẩm du lịch; thông tin về sản xuất, kinh doanh, về các sản phẩm chủ lực, sản phẩm truyền thống, sản phẩm đặc thù, đặc sản, ẩm thực,... của An Giang.

16. Thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.

17. Thông tin giao dịch của cổng thông tin điện tử bao gồm: địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch với tổ chức, cá nhân.

18. Số điện thoại đường dây nóng để cá nhân, tổ chức phản ánh khi cần thiết.

19. Báo cáo hàng năm về công tác phòng, chống tham nhũng.

20. Địa chỉ Cổng (Trang) thông tin điện tử.

21. Căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ theo quy định của pháp luật.

22. Các thông tin khác mà pháp luật quy định phải công bố công khai./.